

Mã nhận dạng : 003129

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 11**

CBGD: **Võ Minh Sơn (260010)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên ch

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm
1	2120120106	BÙI THỊ THÚY AN	26/07/2002	CCQ2012D						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
2	2120120633	LÃ ĐỨC ANH	06/04/2002	CCQ2012C						6.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
3	2119120281	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	19/12/2001	CCQ1912I						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
4	2120120107	NGUYỄN THÁI PHƯƠNG ANH	07/09/2002	CCQ2012D						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
5	2119120318	HUỖNH PHẠM THIÊN ÂN	20/02/2001	CCQ1912J						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
6	2120120420	NGUYỄN THỊ CHI	23/04/2002	CCQ2012M						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
7	2119120074	MAI LÊ DIỄM	14/04/2001	CCQ1912C						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
8	2119120320	LÊ THỊ DUNG	07/05/2001	CCQ1912J							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
9	2120120108	NGUYỄN NGỌC DUY	22/11/2002	CCQ2012D						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
10	2119120640	TRƯƠNG THỊ DUYÊN	07/02/2000	CCQ1912J						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
11	2119120077	MAI THỊ THÙY DƯƠNG	08/08/2001	CCQ1912C						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
12	2119120109	ĐINH THỊ HƯƠNG GIANG	03/04/2001	CCQ1912D						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
13	2119120080	HUỖNH THỊ MỸ HẠNH	23/10/1999	CCQ1912C						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
14	2120120589	ĐỖ ANH HÀO	05/10/1998	CCQ2012Q						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
15	2119120286	NGUYỄN VĂN HÀO	27/08/2001	CCQ1912I						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
16	2120120112	ĐẶNG THỊ THU HẰNG	25/01/2002	CCQ2012D						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
17	2119120110	NGUYỄN VÕ KIỀU HÂN	13/02/2001	CCQ1912D						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
18	2120120360	LÊ THỊ NGỌC HIỀN	10/05/2002	CCQ2012K						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
19	2119120113	LÊ THỊ THU HIỀN	20/03/2000	CCQ1912D						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
20	2120120075	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	15/10/2002	CCQ2012C						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng : 003129

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 11**
CBGD: **Võ Minh Sơn (260010)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viễn
------------------	------------------	--------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	T
21	2119120288	NGUYỄN THỊ HIẾU	25/11/2001	CCQ1912I						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
22	2119120641	TRẦN ĐỨC HÒI	26/04/2000	CCQ1912J						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
23	2120120114	BÙI THANH HUỆ	31/10/2002	CCQ2012D						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
24	2119120084	TRƯƠNG THỊ CẨM	22/03/2001	CCQ1912C						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
25	2120120252	NGUYỄN NHO HÙNG	26/09/2000	CCQ2012H						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
26	2119120327	TRẦN TÙNG HUY	19/03/2001	CCQ1912J						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
27	2120120115	LÊ PHẠM NHƯ HUYỀN	27/11/2002	CCQ2012D						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
28	2120120116	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	11/05/2002	CCQ2012D						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
29	2119120120	TRẦN THỊ HƯƠNG	30/11/2001	CCQ1912D						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
30	2119120329	LÊ VĂN KHÁNH	24/12/2000	CCQ1912J							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
31	2120120118	TRẦN QUỐC KIẾT	28/10/2002	CCQ2012D						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
32	2119120121	HỒ THỊ KIỀU	10/10/2001	CCQ1912D						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
33	2120120119	LÊ THỊ THÚY LAN	04/08/2002	CCQ2012D						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
34	2120120120	HỒ NGỌC LÂM	27/01/2002	CCQ2012D						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
35	2120120121	HOÀNG THỊ LIÊN	03/07/2002	CCQ2012D						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
36	2119120086	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	25/06/2001	CCQ1912C						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
37	2120120293	TRẦN THỊ MỸ LINH	12/03/2002	CCQ2012I						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
38	2120120123	PHẠM THỊ THANH MAI	21/11/2002	CCQ2012D						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
39	2120120081	PHÙNG VĂN MINH	04/10/2002	CCQ2012C						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	
40	2119120297	NGUYỄN THỊ TUYẾT MY	26/04/2001	CCQ1912I						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng : 003129

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 11**
CBGD: **Võ Minh Sơn (260010)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên ch
------------------	------------------	-----------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô c
41	2120120465	THÁI THỊ KIỀU MY	04/02/2002	CCQ2012N						7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
42	2120120083	TRẦN THỊ YA MY	31/01/2002	CCQ2012C						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
43	2119120332	LƯƠNG LÊ LỆ NA	26/07/2001	CCQ1912J						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
44	2120120125	NGUYỄN THỊ TRÚC NGÂN	16/07/2002	CCQ2012D						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
45	2119120299	VÕ NGUYỄN KIM NGÂN	28/08/2001	CCQ1912I						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
46	2120120124	VŨ THỊ THẢO NGÂN	05/02/2002	CCQ2012D						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
47	2120120468	HỒ NỮ NGỌC	02/01/2002	CCQ2012N						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
48	2120120471	HỒ THỊ Ý NHI	23/09/2002	CCQ2012N						7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
49	2120120129	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	20/12/2002	CCQ2012D						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
50	2120120131	DƯƠNG HOÀNG NHƯ	17/12/2002	CCQ2012D						6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
51	2119100085	HUỲNH TRẦN QUỲNH NHƯ	25/03/1999	CCQ1912O						7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
52	2120120134	LÊ DUY TỔ OANH	21/06/2002	CCQ2012D						7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
53	2119120302	NGUYỄN VĂN PHÚ	22/12/2001	CCQ1912I						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
54	2119120127	ĐỖ THỊ BÍCH PHƯƠNG	12/02/2001	CCQ1912D						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
55	2120120135	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	02/02/2002	CCQ2012D							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
56	2120120087	PHAN THU PHƯƠNG	07/10/2001	CCQ2012C						7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
57	2120120088	TRẦN BẢO QUỐC	11/04/2001	CCQ2012C						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
58	2120120089	LÊ TUẤN SON	19/09/2001	CCQ2012C						9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
59	2120120091	DƯƠNG VĂN TÀI	25/05/1996	CCQ2012C						7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	
60	2119120308	NGUYỄN LÊ THIÊM	16/10/2001	CCQ1912I						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng : 003129

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 11**

CBGD: **Võ Minh Sơn (260010)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.V
------------------	------------------	-----

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
61	2119120342	PHẠM THỊ LÊ THỎA	30/04/2001	CCQ1912J						8.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	2119120134	HOÀNG THỊ MINH THƯ	17/06/2001	CCQ1912D						8.0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	2119120345	VÔ THỊ CẨM TIỀN	19/08/2001	CCQ1912J						8.0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	2119120570	TRẦN THỊ THANH TIỀN	07/07/2000	CCQ1912P						7.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
65	2119120629	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	26/04/2001	CCQ1912D						8.0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	2119120103	NGUYỄN ĐÌNH TRIỀU	15/07/2001	CCQ1912C						8.0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	2119120315	TRỊNH THỊ KIM TUYỀN	06/04/1999	CCQ1912I						7.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	2120120070	NGUYỄN THỊ TRIỆU VI	10/01/2002	CCQ2012B						7.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	2119120139	HỒ THỊ TRƯỜNG VY	15/11/2001	CCQ1912D						8.0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	2119120350	TRƯƠNG THỊ NHƯ Ý	30/10/2001	CCQ1912J						8.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10